

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KỲ SƠN  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 18 tháng 8 năm 2020  
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ SƠN, TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Hà Văn Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Moong Văn Bình

2. Ông Vi Văn Dương

**- Thư ký phiên toà:** Ông Gi Bá Lầu - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà:** Ông Vương Quốc Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kỳ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2020/TLST-HNGĐ ngày 7 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp về nuôi con, tài sản của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 4 tháng 8 năm 2020.

**- Nguyên đơn:** Chị Xồng Y M, sinh năm 1973. Có mặt.

Địa chỉ cư trú: Bản Ph N, xã MT, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.

**- Bị đơn:** Anh Lầu Tổng Gi, sinh năm 1972. Có mặt.

Địa chỉ cư trú: Bản Ph N, xã M T, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.

**- Người phiên dịch cho chị Xồng Y M:** Ông Xồng Vả D, sinh năm 1967.

Trú tại: Bản PhL, xã T H, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Có Mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 28/4/2020, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Xồng Y M trình bày:

Về quan hệ tình cảm: Chị và anh Lầu Tổng G tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993, không đăng ký kết hôn tại UBND xã, thị trấn mà chỉ tổ chức lễ cưới, mời hai họ, anh em tới dự lễ cưới theo phong tục của đồng bào dân tộc tại địa phương. Sau thời gian chung sống hạnh phúc được một thời gian thì chị và anh Lầu Tổng G bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình, suy nghĩ, anh Lầu Tổng G không quan tâm, chăm sóc chị, hay nghi ngờ ghen tuông chị có quan hệ bất chính với người khác và bạo lực gia đình và xúc phạm tới

danh dự sức khỏe, đã nhiều lần việc mâu thuẫn diễn ra chị đi về bên nhà bố mẹ để sinh sống và được anh em hai bên nội ngoại hòa giải đoàn tụ với nhau nhưng tình cảm cũng không được cải thiện. Chị và anh Lầu Tổng G ly thân nhau từ đầu năm 2019 cho đến nay, không liên lạc, hỏi han, quan tâm nhau. Nay chị không còn tình cảm với anh Lầu Tổng G nên không muốn tiếp tục chung sống đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố chị và anh Lầu Tổng G không phải là vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh Lầu Tổng G có 08 con chung gồm: Lầu Y P, sinh năm 1995; Lầu Y Đ sinh năm 1996; Lầu Bá Ch sinh ngày 21/8/1998; Lầu Bá R sinh ngày 17/3/2001; Lầu Y Ch sinh năm 2002; Lầu Bá C sinh ngày 7/5/2007; Lầu Bá G sinh ngày 4/6/2008 và Lầu Bá N sinh ngày 14/5/2011. Quá trình khởi kiện và giải quyết chị trình bày các con chung là Lầu Y P, sinh năm 1995; Lầu Y Đ sinh năm 1996; Lầu Bá Ch sinh ngày 21/8/1998; Lầu Bá R sinh ngày 17/3/2001; Lầu Y Ch sinh năm 2002 hiện nay đã lập gia đình và đủ tuổi trưởng thành đã tự lập, còn 03 con Lầu Bá C sinh ngày 7/5/2007; Lầu Bá Gi sinh ngày 4/6/2008 và Lầu Bá N sinh ngày 14/5/2011 chị không có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con mà tùy vào sự chọn của các con và đồng ý nhường cho anh Lầu Tổng G được trực tiếp nuôi các con.

Về tài sản chung: Chị Xồng Y M trình bày chị và anh Lầu Tổng G có các tài sản chung như sau 01 ngôi nhà kê gỗ 03 gian dựng trên đất sạt lở chưa có bìa có giá trị khoảng 50.000.000 đ (Năm mươi triệu đồng), 06 con bò to nhỏ khác nhau có giá tầm 60.000.000 đ (Sáu mươi triệu đồng); 01 xe máy đã qua sử dụng giá trị khoảng 10.000.000 đ (Mười triệu đồng); 01 máy xay lúa đã cũ tầm 5.000.000 đ (Năm triệu đồng); 01 máy cưa gỗ đã cũ tầm 5.000.000 đ (Năm triệu đồng); 80 bì lúa có giá trị tầm 14.000.000 đ (Mười bốn triệu). Tổng giá trị các tài sản chung khoảng 144.000.000 đ (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng). Quá trình khởi kiện và giải quyết vụ án chị Xồng Y M không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia số tài sản trên mà tự nguyện để lại cho anh Lầu Tổng G được sở hữu số tài sản trên mà chỉ yêu cầu anh Lầu Tổng G hỗ trợ cho chị số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để chi tạo dựng nơi ở mới.

Nợ chung: Chị và anh Lầu Tổng G không có khoản nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lầu Tổng G trình bày:

Về quan hệ tình cảm: Anh thừa nhận về thời điểm hai người tự nguyện chung sống, không đi đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán đúng như chị Xồng Y M trình bày. Lý do hai người không đi đăng ký kết hôn là do cả hai không hiểu biết quy định của pháp luật. Sau khi tổ chức lễ cưới

theo phong tục của người Mông thì cuộc sống giữa anh và chị M diễn ra hạnh phúc bình thường, không có mâu thuẫn gì. Nay anh đang còn tình cảm với chị M nên muốn hai người tiếp tục chung sống với nhau đồng thời sẽ làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị Xồng Y M có 08 con chung gồm: Lầu Y P, sinh năm 1995; Lầu Y Đ sinh năm 1996; Lầu Bá Ch sinh ngày 21/8/1998; Lầu Bá R sinh ngày 17/3/2001; Lầu Y Ch sinh năm 2002; Lầu Bá C sinh ngày 7/5/2007; Lầu Bá Gi sinh ngày 4/6/2008 và Lầu Bá N sinh ngày 14/5/2011. Quá trình giải quyết vụ án anh trình bày các con gồm Lầu Y P, sinh năm 1995; Lầu Y Đ sinh năm 1996; Lầu Bá Ch sinh ngày 21/8/1998; Lầu Bá R sinh ngày 17/3/2001; Lầu Y Ch sinh năm 2002 hiện nay đã lập gia đình và đủ tuổi trưởng thành đã tự lập, hiện nay còn 03 là Lầu Bá C sinh ngày 7/5/2007; Lầu Bá Gi sinh ngày 4/6/2008 và Lầu Bá N sinh ngày 14/5/2011. Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi đủ tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị Xồng Y M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh thừa nhận anh và chị Xồng Y M có các tài sản chung như sau 01 ngôi nhà kê gỗ 03 gian dựng trên đất sạt lở chưa có bìa có giá trị khoảng 50.000.000 đ (Năm mươi triệu đồng), 06 con bò to nhỏ khác nhau có giá tầm 60.000.000 đ (Sáu mươi triệu đồng); 01 xe máy đã qua sử dụng giá trị khoảng 10.000.000 đ (Mười triệu đồng); 01 máy xay lúa đã cũ tầm 5.000.000 đ (Năm triệu đồng); 01 máy cưa gỗ đã cũ tầm 5.000.000 đ (Năm triệu đồng); 80 bì lúa có giá trị tầm 14.000.000 đ (Mười bốn triệu). Tổng giá trị các tài sản chung khoảng 144.000.000 đ (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng). Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia số tài sản trên, đồng ý với ý kiến của chị M là để anh được sở hữu, quản lý số tài sản trên. Đối với yêu cầu của chị Xồng Y M về tạo dựng nơi ở mới sau khi chấm dứt việc chung sống với nhau như vợ chồng, anh không đồng ý hỗ trợ số tiền 30.000.000 đ (Ba mươi triệu đồng) mà đồng ý hỗ trợ cho chị Xồng Y M số tiền 20.000.000 đ (Hai mươi triệu) để chị M tạo dựng nơi ở mới.

Nợ chung: Anh và chị Xồng Y M không có khoản nợ. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp; Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ, tổng đạt đảm bảo quyền của đương sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự từ Điều 239 đến Điều 260 của Bộ luật Tố tụng dân

sự. Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa được thực hiện đúng quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, 14, 15, 52, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Về hôn nhân: Chị Xồng Y M và anh Lầu Tổng G không phải là vợ chồng;

Về con chung: Giao các con chung chưa trưởng thành là Lầu Bá C sinh ngày 7/5/2007; Lầu Bá G sinh ngày 4/6/2008 và Lầu Bá N sinh ngày 14/5/2011 cho anh Lầu Tổng G được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi đủ tuổi trưởng thành và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Xồng Y M do anh Lầu Tổng G không yêu cầu.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về yêu cầu tạo dựng nơi ở mới của chị Xồng Y M: Chấp nhận yêu cầu của chị Xồng Y M yêu cầu anh Lầu Tổng G hỗ trợ số tiền 30.000.000 đ (Ba mươi triệu đồng) để tạo dựng nơi ở mới sau khi chấm dứt việc chung sống như vợ chồng.

Nợ chung: Các đương sự không có khoản nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Xồng Y M là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng sâu vùng xa, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên đề nghị xem xét miễn toàn bộ án phí cho chị Xồng Y M.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Chị Xồng Y M yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Lầu Tổng G là vợ chồng có địa chỉ cư trú tại xã MT, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về “Tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn theo quy định tại khoản 7 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tình cảm chung sống với nhau như vợ chồng: Chị M và anh Gi tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993 không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mà chỉ làm lễ cưới theo phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số nên theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình thì quan hệ giữa chị Xông Y M và anh Lầu Tổng G không làm phát sinh quyền nghĩa vụ của vợ và chồng. Sau thời gian chung sống với nhau thì giữa hai người có phát sinh mâu thuẫn nên đã không còn chung sống với nhau, nguyên nhân là do anh Lầu Tổng G hay ghen tuông và có hành vi bạo lực gia đình với chị Xông Y M, việc mâu thuẫn đã diễn ra trong thời gian dài và đã được hai bên nội ngoại và chính quyền địa phương hòa giải đoàn tụ nhưng vẫn không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng, nay chị M không còn tình cảm với anh Gi không muốn tiếp tục duy trì cuộc sống chung. Mặc dù nguyện vọng của anh Gi là muốn tiếp tục duy trì cuộc sống chung và sẽ làm các thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định nhưng chị M lại không đồng ý. Mặt khác, tuy anh Gi khai đang còn tình cảm với chị M muốn tiếp tục chung sống nhưng anh cũng không có biện pháp, cách thức gì để hàn gắn tình cảm hai người với nhau. Xét thấy, việc chung sống thời gian chung sống giữa chị M và anh Gi là đúng thực tế, cả hai không đăng ký kết hôn nên căn cứ các Điều 9, 14 của Luật Hôn nhân và gia đình thì chị Xông Y M và anh Lầu Tổng G không phải là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Xông Y M và anh Lầu Tổng G trong quá trình chung sống chung có 08 con chung: Lầu Y P, sinh năm 1995; Lầu Y Đ sinh năm 1996; Lầu Bá Ch sinh ngày 21/8/1998; Lầu Bá R sinh ngày 17/3/2001; Lầu Y Ch sinh năm 2002 hiện nay đã lập gia đình và đủ tuổi trưởng thành đã tự lập, hiện nay còn 03 con Lầu Bá C sinh ngày 7/5/2007; Lầu Bá Gi sinh ngày 4/6/2008 và Lầu Bá N sinh ngày 14/5/2011 chưa trưởng thành. Xét, quá trình giải quyết vụ án chị Xông Y M không yêu cầu được trực tiếp nuôi các con do hoàn cảnh hiện nay chị chưa có nơi ở ổn định, còn đối với yêu cầu của anh Lầu Tổng G yêu cầu được trực tiếp nuôi các con chung, và quá trình lấy ý kiến các cháu là Lầu Bá C; Lầu Bá Gi và Lầu Bá N đều yêu cầu được ở với anh Lầu Tổng G để được chăm sóc và nuôi dưỡng, hiện nay các cháu đang ở với anh Lầu Tổng G và anh Gi có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, đây là yêu cầu chính đáng thể hiện tình cảm người cha Ginh cho các con và anh Gi có điều kiện tốt hơn để chăm sóc con chung vì vậy cần giao con chung là Lầu Bá C; Lầu Bá Gi và Lầu Bá N cho anh Lầu Tổng G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án anh Lầu Tổng G không yêu cầu chị Xông Y M cấp dưỡng nuôi con chung, vì vậy tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị M do anh Gi không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Chị Xồng Y M và anh Lầu Tổng G thống nhất có các tài sản chung 01 ngôi nhà kê gỗ 03 gian dựng trên đất sạt lở chưa có bìa có giá trị khoảng 50.000.000 đ (Năm mươi triệu đồng), 06 con bò to nhỏ khác nhau có giá tầm 60.000.000 đ (Sáu mươi triệu đồng); 01 xe máy đã qua sử dụng giá trị khoảng 10.000.000 đ (Mười triệu đồng); 01 máy xay lúa đã cũ tầm 5.000.000 đ (Năm triệu đồng); 01 máy cưa gỗ đã cũ tầm 5.000.000 đ (Năm triệu đồng); 80 bì lúa có giá trị tầm 14.000.000 đ (Mười bốn triệu). Tổng giá trị các tài sản chung khoảng 144.000.000 đ (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng). Quá trình khởi kiện và giải quyết vụ án các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án tiến hành thẩm định và định giá tài mà giao lại toàn bộ tài sản cho anh Lầu Tổng G được trực tiếp sở hữu, tại phiên tòa không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, và không có các khoản nợ chung.

[5] Đối với yêu cầu hỗ trợ tạo dựng nơi ở mới của chị Xồng Y M: Quá trình chung sống chị M và anh Gi có các tài sản chung nhưng hiện nay do tình cảm mâu thuẫn chị không còn chung sống với anh Gi, chị tự nguyện để lại toàn bộ số tài sản trên cho anh Lầu Tổng G và chỉ yêu cầu anh Gi hỗ trợ cho chị số tiền 30.000.000 đ (Ba mươi triệu đồng) để tạo dựng nơi ở mới sau khi chấm dứt việc chung sống như vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án anh Lầu Tổng G không đồng ý hỗ trợ cho chị M số tiền 30.000.000 đ (Ba mươi triệu đồng) mà đồng ý hỗ trợ cho chị M số tiền là 20.000.000 đ (Hai mươi triệu đồng) để tạo dựng nơi ở mới. Xét, quá trình chung sống chị M và anh Gi đã cùng nhau tạo dựng được số tài sản như các đương sự đã trình bày, việc chị M và anh Gi không yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định và định giá tài sản, phân chia số tài sản trên mà tự thỏa thuận để lại toàn bộ số tài sản đó để cho Lầu Tổng G được trực tiếp quản lý và sử dụng là tự nguyện, chị Xồng Y M yêu cầu anh Lầu Tổng G hỗ trợ số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để tạo dựng nơi ở mới khi chấm dứt việc chung sống, đây là yêu cầu chính đáng để cho chị có thể tạo dựng được nơi ở mới và cũng thấy rằng số tài sản chị để lại cho anh Gi là lớn hơn so với yêu cầu của chị, việc anh Gi chỉ chấp nhận hỗ trợ cho chị số tiền 20.000.000 đ (Hai mươi triệu đồng) là chưa phù hợp so với số tài sản mà chị M đã để lại cho anh Gi được quản lý sử dụng, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Xồng Y M buộc anh Lầu Tổng G phải hỗ trợ cho chị số tiền 30.000.000 đ (Ba mươi triệu đồng) để tạo dựng nơi ở mới là phù hợp.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Xồng Y M là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng sâu vùng xa, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn có đơn xin miễn toàn bộ án phí, vì vậy cần xem xét miễn toàn bộ án phí cho chị Xồng Y M.

[7] Các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Xồng Y M.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Xồng Y M và anh Lầu Tổng G là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung: Lầu Bá C sinh ngày 7/5/2007; Lầu Bá Gi sinh ngày 4/6/2008 và Lầu Bá N sinh ngày 14/5/2011 cho Lầu Tổng G được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Xồng Y M do anh Lầu Tổng G không yêu cầu. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con. Chị Xồng Y M có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Chấp nhận yêu cầu của chị Xồng Y M: Buộc anh Lầu Tổng G phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị Xồng Y M số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) để tạo dựng nơi ở mới sau khi chấm dứt việc chung sống với nhau như vợ chồng.

Kể từ khi chị Xồng Y M có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành án chậm trả khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí cho chị Xồng Y M, trả lại số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) cho chị Xồng Y M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003862 ngày 6/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Xồng Y M và anh Lầu Tổng G có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND huyện Kỳ Sơn;
- VKS ND tỉnh Nghệ An.
- Chi cục THADS huyện Kỳ Sơn;
- UBND xã MT;
- Lưu hồ sơ; VP.TA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Văn Hải**